

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **16/2021/DS-ST**

Ngày: 01/3/2021

“V/v Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA – TỈNH ĐỒNG NAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Phạm Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Thiều Thị Phi Loan

2. Ông Trần Văn Chánh.

Thư ký phiên tòa: Bà Nông Thị Hồng Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Mai Văn Thông - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 3 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai mở phiên tòa sơ thẩm xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số: 545/2020/TLST-DS ngày 17/7/2020 về việc: *“Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản”*. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2020/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 01 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số: 86/2021/QĐST-DS ngày 02/02/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị Thùy L, sinh năm 1988; Địa chỉ: H13/2 tổ 34, khu phố 7, phường TP, thành phố BH, tỉnh ĐN.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Tấn Phước V, sinh năm 1985; Địa chỉ thường trú: A/159, khu phố 3, phường TV, thành phố BH, tỉnh ĐN; Địa chỉ liên lạc: 218 Hà Huy Giáp, phường QT, thành phố BH, tỉnh ĐN. (Theo hợp đồng ủy quyền ngày 18/6/2020) – Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Phương X, sinh năm 1970; Địa chỉ: 100/22C tổ 35C, khu phố 11A, phường TP, thành phố BH, tỉnh ĐN. (Vắng mặt).

Người làm chứng:

1. Ông Nguyễn Ngọc D, sinh năm 1947

2. Bà Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1947

Cùng địa chỉ: H13/2 tổ 34, khu phố 7, phường TP, thành phố BH, tỉnh ĐN (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và bản khai có tại hồ sơ, nguyên đơn bà Trần Thị Thùy L và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Tấn Phước V trình bày:*

Ngày 08/8/2016, bà Nguyễn Thị Phương X có vay của bà Trần Thị Thùy L số tiền là 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) theo bản cam kết ngày

08/8/2016, thời hạn vay đến ngày 08/8/2017 trả hết nợ vay, việc vay tiền hai bên không có thỏa thuận lãi suất, làm chứng cho việc vay tiền có ông Nguyễn Ngọc D và bà Nguyễn Thị Thanh T là cha mẹ chồng của bà L. Tuy nhiên, đến ngày 08/8/2017, bà X không trả cho bà L số tiền nợ gốc đã vay nêu trên, bà L nhiều lần yêu cầu bà X phải trả cho bà L số tiền gốc đã vay là 50.000.000 đồng nhưng bà X cứ hứa hẹn nhiều lần nhưng không chịu trả số tiền đã vay nêu trên cho bà L.

Vì vậy, bà L làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa: Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Phương X phải có trách nhiệm trả lại cho nguyên đơn bà Trần Thị Thùy L số tiền nợ vay gốc là 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng), tiền lãi tạm tính từ ngày 08/9/2017 cho đến ngày 08/02/2021 là 41 tháng theo mức lãi suất quy định Điều 466 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015 là 10%/năm (0,8%/tháng) là: $50.000.000 \text{ đồng} \times 0,8\% \times 41 \text{ tháng} = 16.400.000 \text{ đồng}$ (Mười sáu triệu bốn trăm ngàn đồng). Tổng cộng số tiền gốc và lãi là 66.400.000 đồng (Sáu mươi sáu triệu bốn trăm ngàn đồng) và bà X còn phải chịu tiền lãi giai đoạn thi hành án cho đến khi thi hành án xong theo mức lãi suất 10%/năm theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015. Ngoài ra nguyên đơn không yêu cầu gì khác.

** Bị đơn bà Nguyễn Thị Phương X Tòa án đã tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập và văn bản tố tụng đến Tòa án để tham gia tố tụng nhưng bị đơn đều vắng mặt không lý do nên không có lời khai tại hồ sơ và tại phiên tòa.*

** Người làm chứng ông Nguyễn Ngọc D và bà Nguyễn Thị Thanh T có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa. Tuy nhiên, bản khai có tại hồ sơ, ông D và bà T trình bày: Vào ngày 08/8/2016, chúng tôi có chứng kiến bà Nguyễn Thị Phương X vay của bà Trần Thị Thùy L số tiền là 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng), bà X viết bản cam kết ngày 08/8/2016 ký tên và ghi rõ họ và tên của bà X vào bản cam kết này và bà đã nhận đủ số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) bà Linh cho bà X vay. Nay bà Linh khởi kiện bà X ra Tòa án yêu cầu bà X phải trả lại cho bà L số tiền đã vay nêu trên và lãi suất thì chúng tôi đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.*

** Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tại phiên tòa sơ thẩm:*

- Về thủ tục tố tụng:

+ Về quan hệ pháp luật: Tòa án xác định quan hệ pháp luật “Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản” là đúng.

+ Về tư cách đương sự: Tòa án xác định tư cách đương sự trong vụ án là đúng.

+ Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Tòa án thụ lý và giải quyết vụ án dân sự đúng thẩm quyền.

+ Về thời hạn giải quyết vụ án: Đảm bảo đúng thời hạn theo quy định của pháp luật.

- Về việc tuân theo quy định pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử (HĐXX) trong quá trình giải quyết vụ án đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

- Về việc tuân thủ pháp luật của các đương sự: Nguyên đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình đúng quy định của pháp luật. Bị đơn không chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

- Về đường lối giải quyết vụ án:

Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Trần Thị Thùy L. Buộc bị đơn Nguyễn Thị Phương X phải có trách nhiệm trả tiền nợ vay cho nguyên đơn bà Trần Thị Thùy L tổng số tiền là 66.400.000 đồng (Sáu mươi sáu triệu bốn trăm ngàn đồng). Trong đó, số tiền nợ gốc là 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng), số tiền lãi là 16.400.000 đồng (Mười sáu triệu bốn trăm ngàn đồng).

Bị đơn bà Nguyễn Thị Phương X phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Trần Thị Thùy L có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Phương X, sinh năm 1970; địa chỉ: 100/22C tổ 35C, khu phố 11A, phường TP, thành phố BH, tỉnh ĐN phải có trách nhiệm trả tiền nợ vay cho nguyên đơn tổng số tiền là 66.400.000 đồng (Sáu mươi sáu triệu bốn trăm ngàn đồng). Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xác định quan hệ pháp luật của vụ án là “Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản”, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa.

Về xét xử vắng mặt đương sự: Bị đơn bà Nguyễn Thị Phương X Tòa án đã tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập và văn bản tố tụng đến Tòa án để tham gia tố tụng nhưng bị đơn vắng mặt không lý do. Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Tấn Phước V và những người làm chứng ông Nguyễn Ngọc D và bà Nguyễn Thị Thanh T có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa, xét đơn làm hợp lệ nên chấp nhận. Căn cứ vào các Điều 227, 228, 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, bị đơn, người làm chứng tại phiên tòa theo quy định của pháp luật.

Về thời hiệu: Do đương sự không yêu cầu áp dụng thời hiệu theo quy định tại Điều 184 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên HĐXX không xem xét.

[2] Về nội dung:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Tấn Phước V có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa. Tuy nhiên, theo đơn khởi kiện và các bản khai có tại hồ sơ nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Phương X phải có trách nhiệm trả tiền nợ vay cho nguyên đơn bà Trần Thị Thùy L tổng số tiền là 66.400.000 đồng (Sáu mươi sáu triệu bốn trăm ngàn đồng). Trong đó, tiền vay gốc là 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng), tiền lãi là 16.400.000 đồng và bị đơn phải chịu lãi suất giai đoạn thi hành án cho đến khi thi hành án xong theo mức lãi suất 10%/năm theo quy định tại Điều 466 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

2.1. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Thùy L yêu cầu bị

đơn bà Nguyễn Thị Phương X phải có trách nhiệm trả tiền vay gốc cho nguyên đơn số tiền là 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng):

Theo bản cam kết ngày 08/8/2016, thì bị đơn bà Nguyễn Thị Phương X có vay của nguyên đơn bà Trần Thị Thùy L số tiền là 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng), hai bên không thỏa thuận lãi suất, người làm chứng cho việc vay tiền trên là ông Nguyễn Ngọc D và bà Nguyễn Thị Thanh T là cha mẹ chồng của bà L. Đến ngày trả nợ 18/8/2017, bà X không trả tiền nợ vay cho bà L nên bà L đã đòi bà X trả tiền nợ vay nhiều lần nhưng bà X không trả tiền cho bà L. Việc bà X không trả số tiền nợ vay nêu trên cho bà L là đã xâm phạm quyền và lợi ích của bà L theo quy định của pháp luật. Đồng thời, theo bản tự khai ngày 11/11/2020 của những người làm chứng là ông Nguyễn Văn D và bà Nguyễn Thị Thanh T có tại hồ sơ (Bút lục số 49 và 50) có ghi nhận nội dung: “Vào ngày 08/8/2016, chúng tôi có chứng kiến bà Nguyễn Thị Phương X vay của bà Trần Thị Thùy L số tiền là 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng), bà X viết bản cam kết ngày 08/8/2016 ký tên và ghi rõ họ và tên của bà X vào bản cam kết này và bà đã nhận đủ số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) bà L cho bà X vay”. Như vậy, HĐXX xét thấy có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Thùy Linh, buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Phương X phải có nghĩa vụ trả tiền nợ vay gốc cho nguyên đơn bà Trần Thị Thùy L số tiền là 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng).

2.2. Xét yêu cầu của nguyên đơn bà Trần Thị Thùy L yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị Phương X phải trả tiền lãi đối với số tiền vay gốc là 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng): Theo bản cam kết ngày 08/8/2016, thì bị đơn bà Nguyễn Thị Phương X có vay của nguyên đơn bà Trần Thị Thùy L số tiền là 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng), hai bên không thỏa thuận lãi suất, thời hạn trả nợ là 08/8/2017. Tuy nhiên, đến hạn trả nợ bị đơn bà X không trả nợ vay cho bà L, bà L nhiều lần đòi bà X trả tiền nợ vay nhưng bà X không chịu trả nợ cho bà L. Việc nguyên đơn căn cứ mức lãi suất 10% quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 yêu cầu HĐXX buộc bị đơn bà L phải trả lãi suất đối với số tiền nợ vay là $50.000.000 \text{ đồng} \times 0,8\% \times 41 \text{ tháng}$ (tính từ ngày 08/8/2017 đến 08/02/2020) = 16.400.000 đồng (Mười sáu triệu bốn trăm ngàn đồng) là phù hợp quy định của pháp luật nên có cơ sở chấp nhận.

Như đã phân tích trên, căn cứ Điều 357, Điều 466, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, HĐXX xét xử xét thấy có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Phương X phải có trách nhiệm trả cho nguyên đơn bà bà Trần Thị Thùy L tổng số tiền nợ vay là 66.400.000 đồng (Sáu mươi sáu triệu bốn trăm ngàn đồng). Trong đó, số tiền vay gốc là 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng), số tiền lãi là 16.400.000 đồng (Mười sáu triệu bốn trăm ngàn đồng).

Đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Phương X: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập và văn bản tố tụng đến Tòa án để tham gia tố tụng nhưng bị đơn vắng mặt không rõ lý do. Theo biên bản xác minh tại Công an phường TP ngày 05/11/2020 có tại hồ sơ có ghi nhận nội dung: “Bà Nguyễn Thị Phương X, sinh năm 1970 có tạm trú và hiện đang sinh sống tại địa chỉ: 100/22C tổ 35C, khu phố 11A, phường TP, thành phố BH, tỉnh ĐN, hiện bà X vẫn đang sinh sống tại địa phương”. Việc bị

đơn không đến Tòa án cung cấp chứng cứ, chứng minh để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn là tự tước bỏ quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự theo quy định của pháp luật.

[3]. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tại phiên tòa phù hợp với nhận định của HĐXX nên chấp nhận.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án:

Do yêu cầu của nguyên đơn bà Trần Thị Thùy L được Tòa án chấp nhận toàn bộ nên cần buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Phương X phải chịu án phí dân sơ thẩm số tiền là $66.400.000 \text{ đồng} \times 5\% = 3.320.000 \text{ đồng}$ (Ba triệu ba trăm hai mươi ngàn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; các Điều 35, 39, 147, 203, 220, 227, 228, 229, 235, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 357, 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Thùy L về việc “Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản” đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Phương X.

Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Phương X phải có trách nhiệm trả cho nguyên đơn bà Trần Thị Thùy L tổng số tiền nợ vay là 66.400.000 đồng (Sáu mươi sáu triệu bốn trăm ngàn đồng). Trong đó, số tiền vay gốc là 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng), số tiền lãi là 16.400.000 đồng (Mười sáu triệu bốn trăm ngàn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

- Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Phương X phải nộp án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 3.320.000 đồng (Ba triệu ba trăm hai mươi ngàn đồng).

- Trả lại cho nguyên đơn bà Trần Thị Thùy L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.680.000 đồng (Một triệu sáu trăm tám mươi ngàn đồng) theo biên lai thu số 0009698 ngày 03/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa.

3. Về kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn đều vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND TP. Biên Hòa;
- Chi cục THADS TP. Biên Hòa;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã Ký)

Nguyễn Phạm Tuấn